

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 88/2017/HNGĐ-ST
Ngày 28-11-2017
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị An.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Kim Thành

2. Ông Hồ Huy Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện GD, tỉnh TN.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện GD tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện GD, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 506/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh G, sinh năm: 1981, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp XM, xã PT, huyện GD, tỉnh TN;

Tạm trú: Ô2/72, khu phố TB A, thị trấn GD, huyện GD, tỉnh TN.

- Bị đơn: Chị Trần Thị Kim L, sinh năm: 1981, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp XM, xã PT, huyện GD, tỉnh TN.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21-8-2017 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Thanh G trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Kim L chung sống với nhau vào năm 2013, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn GD, huyện GD ngày 04-12-2012. Vàng cưới gồm: 01 đôi bông tai 1,5 chỉ, 01 lắc tay không rõ trọng lượng, 01 dây chuyền 03 chỉ, 01 nhẫn hình bông mai hơn 01 chỉ, tất cả đều là vàng 24K và 01 cặp nhẫn cưới vàng 18K. Số vàng cưới trên chị L đang giữ nhưng anh không yêu cầu giải quyết. Sau khi cưới, anh chị sống chung với cha mẹ ruột chị L tại ấp XM, xã PT, huyện GD, tỉnh TN. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, chị L không rõ ràng về tiền bạc nên vợ

chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2015. Tháng 02-2016, anh có nộp đơn xin ly hôn, nhưng Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh, vợ chồng cũng không ở lại. Trong thời gian sống ly thân, anh và chị L không gặp nhau bàn việc đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin ly hôn với chị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Trần Thiên K, sinh ngày 25-9-2014, hiện đang sống cùng với chị L. Anh đồng ý giao cháu K cho chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Anh đồng ý cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được.

Về tài sản chung: Có 12 chỉ vàng 24K, 01 chỉ vàng 18K, 01 dàn máy vi tính, 01 máy Scan, 01 máy in, 01 máy chụp hình hiệu Nikon, 01 máy quay phim hiệu Panasonic, 01 bộ tivi đầu đĩa, 01 máy lạnh, số tài sản này chị L đang quản lý. Anh giữ tiền mặt 15.000.000 đồng nhưng đã chi phí hết. Nay anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng có nợ chị Trần Thị P số tiền 65.000.000 đồng, nhưng đã được giải quyết trong vụ án trước nên hiện nay vợ chồng không có nợ ai và anh không yêu cầu giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27-10-2017 và trong quá trình xét xử bị đơn chị Trần Thị Kim L trình bày:

Về hôn nhân: Vào tháng 7-2014, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh G đánh đề gây nợ nên lấy tiền nhà đi trả và anh G thường xuyên liên lạc qua điện thoại với người phụ nữ khác. Chị có khuyên can nhưng anh G không thay đổi. Vợ chồng sống ly thân từ ngày 25-11-2015 đến nay. Chị đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh G.

Về con chung: Có 01 người con chung như anh G trình bày. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục và yêu cầu anh G phải cấp dưỡng cho cháu K mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị khai không có nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị yêu cầu anh G có trách nhiệm trả cho chị P ½ số tiền còn nợ là 32.500.000 đồng.

Nhưng tại phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ ngày 10-11-2017, chị L thay đổi ý kiến, chị không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh G. Chị yêu cầu anh G trả hết nợ xong chị mới đồng ý ly hôn. Tại phiên tòa chị L đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh G.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G đối với chị L; về con chung: Giao chị L tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục, ghi nhận anh G đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng; về tài sản

chung: anh G và chị L không yêu cầu nên không giải quyết; về nợ chung: anh G và chị L khai không có nên không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về hôn nhân*: Anh G và chị L chung sống với nhau vào năm 2013 và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay anh G xin được ly hôn với chị L, nguyên nhân chính là do mâu thuẫn về tiền bạc nên thường xuyên cãi nhau. Anh chị sống ly thân từ cuối năm 2015 đến nay nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn tình cảm. Còn chị L thì cho rằng nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh G cờ bạc và thường xuyên liên lạc với người phụ nữ khác. Chị cho rằng vợ chồng sống ly thân từ ngày 25-11-2015. Tại bản tự khai ngày 27-10-2017, chị L đồng ý ly hôn nhưng sau đó chị thay đổi ý kiến, chị không đồng ý ly hôn, chị yêu cầu anh G trả hết nợ chị mới đồng ý ly hôn. Tại bản án số 50/2016/HNGĐ-ST ngày 05-7-2016, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh G, là đã tạo cơ hội để anh chị đoàn tụ, nhưng anh chị đã không tiếp tục chung sống và đến nay anh G vẫn kiên quyết xin ly hôn, còn chị L không đồng ý ly hôn nhưng cũng không yêu cầu được đoàn tụ để vợ chồng tiếp tục chung sống, mục đích là để yêu cầu anh G trả hết nợ. Tại phiên tòa chị L đồng ý ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh G và chị L đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh G là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] *Về con chung*: Anh G và chị L có 01 người con chung là Nguyễn Trần Thiên K, sinh ngày 25-9-2014, hiện chị L đang nuôi. Tại bản tự khai, chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con và yêu cầu anh G cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Anh G đồng ý theo yêu cầu của chị L, nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] *Về tài sản chung*: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

[4] *Về nợ chung*: Chị L yêu cầu anh G trả cho chị Trần Thị P số tiền 65.000.000 đồng, nhưng số nợ này đã được giải quyết tại Bản án số 50/2016/HNGĐ-ST ngày 05-7-2016 của Tòa án nhân dân huyện GD đã có hiệu lực pháp luật nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Ngoài ra, anh G và chị L khai không còn nợ ai khác nên không xem xét.

[5] *Về án phí sơ thẩm*: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Thanh G đối với chị Trần Thị Kim L. Anh G được ly hôn với chị L.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho chị L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Trần Thiên K, sinh ngày 25-9-2014. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 12-2017 cho đến khi cháu K đã thành niên và có khả năng lao động tự sinh sống được. Anh G có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

3. *Về tài sản chung*: Anh chị không yêu cầu nên không giải quyết.

4. *Về nợ chung*: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

5. *Về án phí*: Anh G phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà anh G đã nộp theo biên lai thu số 0012486 ngày 02-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GD. Anh G còn phải nộp thêm 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND huyện GD;
- Chi cục THADS huyện GD;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn GD;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị An

